

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **02** /GTr-CAG

An Giang, ngày **17** tháng 01 năm 2023

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận
sau thuế BCTC quý IV - 2022

Kính gửi:

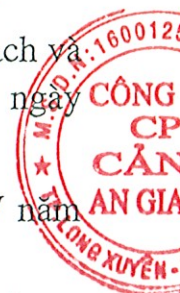
- Ủy ban Chứng khoán nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

1. Tổ chức đại chúng: **Công ty Cổ phần Cảng An Giang**
2. Mã chứng khoán: **CAG**
3. Trụ sở chính: Quốc lộ 91, Tổ 15, Khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Điện thoại: (0296) 3831 447 – (0296) 3831 535; Fax: (0296) 3831 129.
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1600125108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 29/03/2011, cấp thay đổi lần thứ 01 ngày 11/01/2016.
5. Nội dung: Giải trình chênh lệch biến động lợi nhuận sau thuế quý IV năm 2022 so với quý IV năm 2021.

Theo kết quả hoạt động kinh doanh quý IV năm 2022, lợi nhuận sau thuế của Công ty Cổ phần Cảng An Giang giảm 2.744 triệu đồng, tỷ lệ giảm so quý IV năm 2021 (biến động hơn 10%). Công ty giải trình như sau:

ĐVT: VND

Số tt	Chỉ tiêu	Quý IV năm 2022	Quý IV năm 2021	Chênh lệch	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)x100
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.368.115.635	16.688.270.928	(320.155.293)	(1,92)
2	Giá vốn hàng bán	13.978.572.258	11.722.636.242	2.255.936.016	19,24
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.389.543.377	4.965.634.686	(2.576.091.309)	(51,88)
4	Doanh thu hoạt động tài chính	721.331.257	603.382.900	117.948.357	19,55
5	Chi phí tài chính	(104.521.535)	9.104.489	(113.626.024)	-
6	Chi phí bán hàng	386.958.766	404.468.161	(17.509.395)	(4,33)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.579.783.873	2.219.913.387	359.870.486	16,21



Số tt	Chỉ tiêu	Quý IV năm 2022	Quý IV năm 2021	Chênh lệch	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)x100
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	248.653.530	2.935.531.549	(2.686.878.019)	(91,53)
9	Thu nhập khác	162	2.982.636	(2.982.474)	(99,99)
10	Chi phí khác	43.590.771	2.200	43.588.571	(43.586.371)
11	Lợi nhuận khác	(43.590.609)	2.980.436	(46.571.045)	(1.562,56)
12	Tổng lợi nhuận trước thuế	205.062.921	2.938.511.985	(2.733.449.064)	(93,02)
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	222.836.407	211.889.595	10.946.812	5,17
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(17.773.486)	2.726.622.390	(2.744.395.876)	(100,65)

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 320 triệu đồng, giá vốn hàng bán tăng 2.256 triệu đồng làm cho lợi nhuận gộp giảm 2.576 triệu đồng.

- Doanh thu tài chính tăng 118 triệu đồng, chi phí tài chính giảm 105 triệu đồng làm cho lợi nhuận tăng 223 triệu đồng.

- Chi phí bán hàng giảm 18 triệu đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 360 triệu đồng làm lợi nhuận giảm 342 triệu đồng.

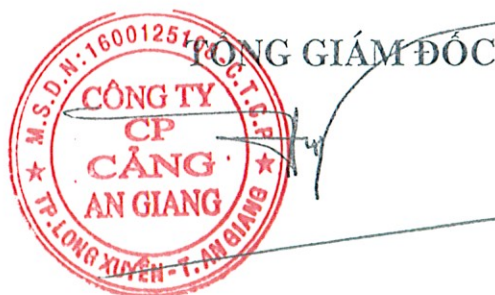
Chính 3 yếu tố trên và lợi nhuận khác giảm 47 triệu đồng ; chi phí thuế TNDN hiện hành tăng 11 triệu đồng làm tổng lợi nhuận sau thuế giảm 2.744 triệu đồng

Trên đây là giải trình tình hình biến động lợi nhuận sau thuế quý IV năm 2022 so với quý IV năm 2021 của Công ty Cổ phần Cảng An Giang, xin báo cáo đến Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, HNX và Quý cổ đông được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Bùi Thành Hiệp